

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HS-ST
Ngày: 22-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang;

Thẩm phán thành viên: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Nam;

2. Bà Trịnh Thị Huyền;

3. Bà Lê Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc P, sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố P, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1992 và 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc P: Bà Đặng Thùy L- Luật sư Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị hại: Ông Trần Võ Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Số C8/6, khu dân cư G, khu phố I2, phường G, thị xã Y, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Thanh M, vắng mặt;

2. Ông Cao Quang H, vắng mặt;

3. Ông Đoàn Văn H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 11/2018, do bản thân thiếu nợ nên Nguyễn Quốc P nảy sinh ý định tìm người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là giấy CNQSDĐ) để đem đi thế chấp hoặc cầm cố lấy tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Phong lên mạng internet tìm kiếm thông tin làm giả giấy tờ nhà đất thì liên hệ được với một đối tượng tên T1 làm giả cho Nguyễn Quốc P 01 giấy CNQSDĐ số BT 782243 do Ủy ban nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Quốc P đối với thửa đất 296, tờ bản đồ số 6, diện tích 213,5 m², tọa lạc tại phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là thửa đất số 296). Sau khi có giấy CNQSDĐ giả nêu trên, ngày 07/11/2018, Phong chụp hình và đăng lên mạng xã hội Facebook với thông tin “cần thế chấp với giá 600.000.000 đồng”, đồng thời Phong nhờ 02 người bạn của mình làm nghề môi giới bất động sản là ông Cao Quang H và ông Đoàn Văn H giới thiệu người nhận thế chấp thửa đất số 296.

Ngày 12/11/2018, ông Hùng và ông Hải giới thiệu cho ông Trần Võ Q (kinh doanh dịch vụ cầm đồ) để nhận thế chấp đối với thửa đất trên với giá 600.000.000 đồng và dẫn ông Quyết đến vị trí thửa đất tại phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương để xem đất. Thực tế thửa đất số 296 có nguồn gốc từ cha, mẹ Phong là ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T, sinh năm 1965, cùng trú tại: Khu phố P, phường L, thị xã U, tỉnh Bình Dương đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1985, nơi cư trú: Phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương vào năm 2014. Sau khi xem giấy đất và đất xong, ông Trần Võ Q đồng ý nhận thế chấp thửa đất trên với giá 600.000.000 đồng và hẹn ngày 13/11/2018 sẽ ra Văn phòng công chứng ký hợp đồng ủy quyền. Ngày 13/11/2018, Nguyễn Quốc P gặp ông Trần Võ Q tại Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh M, địa chỉ: Số 10/8, đường ĐT743, khu phố Bình Quới B, phường BC, thị xã Y, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Quốc P và ông Trần Võ Q thỏa thuận Nguyễn Quốc P sẽ lập hợp đồng ủy quyền cho ông Trần Võ Q toàn quyền sử dụng thửa đất số 296, ông Trần Võ Q sẽ giao cho Nguyễn Quốc P số tiền 600.000.000 đồng sau khi hai bên công chứng xong hợp đồng ủy quyền. Nguyễn Quốc P nộp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng công chứng bản chính giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Nguyễn Quốc P cùng giấy CNQSDĐ giả số BT 782243, ông Trần Võ Q nộp bản chính giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Trần Võ Q để thực hiện việc công chứng. Quá trình tiếp nhận kiểm tra các giấy tờ do Nguyễn Quốc P và ông Trần Võ Q nộp để thực hiện công chứng hợp đồng ủy quyền, bà Trần Thị Thanh M, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương là Công chứng viên của Văn phòng công chứng Trần Thị Thanh M phát hiện giấy CNQSDĐ số BT 782243 có nhiều đặc điểm bất thường, nghi vấn là giả nên đã báo cho Công an phường BC, thị xã Y mời các bên về làm việc, tiến hành lập biên bản thu giữ giấy CNQSDĐ và các giấy tờ có liên quan. Do chưa thực hiện xong việc công chứng nên ông Trần Võ Q chưa giao cho Nguyễn Quốc P số tiền 600.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 378/GĐ-PC09 ngày 22/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 782243 vào sổ cấp GCN: CH04002 mang tên Nguyễn Quốc P, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Khu phố P, phường L, thị xã U, tỉnh Bình Dương, cấp ngày 23/4/2014 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử. Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã U, tỉnh Bình Dương, xác định: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã U không cấp giấy CNQSDĐ số BT 782243, diện tích 213,5 m², thửa đất số 296, tờ bản đồ số 6 cho Nguyễn Quốc P. Quá trình điều tra thu giữ của Phong 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, đen.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-P1 ngày 13/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Quốc P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15, điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc P, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc P từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm đến 05 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc P trình bày lời bào chữa: Người bào chữa thống nhất về tội danh, điều luật mà Viện Kiểm sát áp dụng, truy tố đối với bị cáo, không tranh luận. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có thời gian tham gia phục vụ trong quân ngũ, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị hại Trần Võ Q trình bày ý kiến tranh luận: Giao dịch giữa Nguyễn Quốc P và ông Trần Võ Q chưa hoàn thành thì phòng công chứng phát hiện được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên ông Quyết chưa giao tiền cho Nguyễn Quốc P như thỏa thuận, ông không yêu cầu gì liên quan tới trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo thông nhất với lời bào chữa của luật sư, không ý kiến tranh luận. Đại diện Viện Kiểm sát không tranh luận đối đáp. Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc P khai nhận: Ngày 13/11/2018, tại Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M, địa chỉ: Số 10/8, đường ĐT743, khu phố Bình Quới B, phường BC, thị xã Y, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Quốc P sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 782243, vào sổ cấp GCN: CH04002 mang tên Nguyễn Quốc P (Nguyễn Quốc P đã đặt trên mạng Internet của đối tượng tên T1 trước đó) để thực hiện giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất cho ông Trần Võ Q với số tiền 600.000.000 đồng dưới hình thức hợp đồng ủy quyền. Bị cáo đã cung cấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, xác định tình trạng hôn nhân để công chứng hợp đồng ủy quyền thì bị Văn phòng Công chứng phát hiện, nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phong là giả nên báo cơ quan công an. Bản kết luận giám định số 378/GĐ-PC09 ngày 22/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 782243 vào sổ cấp GCN: CH04002 mang tên Nguyễn Quốc P, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: Khu phố P, phường L, thị xã U, tỉnh Bình Dương, cấp ngày 23/4/2014 là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

[2.2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 13/11/2018, bị cáo Nguyễn Quốc P đã có hành vi gian dối sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thực hiện giao dịch thế chấp cho ông Trần Võ Q nhằm chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng của ông Trần Võ Q, sự việc bị phát hiện, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa đạt là nằm ngoài ý muốn của bị

cáo, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm bị cáo thực hiện. Hành vi của bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Quốc P với các tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho ông Trần Võ Q, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng của ông Trần Võ Q là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, model: RM-1133, số Imel 1: 358885070128667, tình trạng đã qua sử dụng đã cũ không còn hoạt động, bị bể nắp phía sau (không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 15; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 57 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc P 06 (sáu) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Nguyễn Quốc P phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, model: RM-1133, số Imel 1: 358885070128667, tình trạng đã qua sử dụng đã cũ không còn hoạt động, bị bẻ nắp phía sau (không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

(Vật chứng được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/9/2019)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Quốc P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP. HCM; 1
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- Phòng PC01 - Công an tỉnh BD; 1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; 1
- Cục THADS tỉnh Bình Dương; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo; người bào chữa; 2
- Đại diện hợp pháp bị hại; 2
- Trại tạm giam công an tỉnh BD; 1
- Lưu: HSVA, Tòa HS, Tổ HCTP. 3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang